

tăng trưởng và kiểm chế lạm phát; kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, giảm nợ xấu, bảo đảm an toàn hệ thống tín dụng.

- Điều hành thị trường ngoại hối và tỷ giá linh hoạt trong mối quan hệ với lãi suất, chỉ số giá tiêu dùng, cán cân thương mại và các kênh đầu tư khác nhằm khuyến khích xuất khẩu, giảm nhập siêu, cải thiện cán cân thương mại và cán cân thanh toán quốc tế.

- Thực hiện chính sách tài khoá linh hoạt có kiểm soát chặt chẽ, phấn đấu tăng thu, triệt để tiết kiệm và nâng cao hiệu quả chi; phối hợp đồng bộ chính sách tài khoá với chính sách tiền tệ và các chính sách khác.

- Tổ chức thực hiện tốt các luật thuế; thực hiện giãn thời hạn nộp thuế một quý đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sản xuất, gia công dệt may, da, giấy.

- Quản lý và tạo điều kiện để thị trường chứng khoán phát triển có hiệu quả và bền vững, trở thành kênh huy động vốn quan trọng của nền kinh tế.

- Tăng cường công tác quản lý giá, nhất là giá các mặt hàng thiết yếu; có biện pháp ngăn chặn có hiệu quả các hiện tượng đầu cơ nâng giá.

Đồng thời với các giải pháp trên, tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp chính sách trong các lĩnh vực xã hội, đối ngoại, quản lý nhà nước, môi trường... như: Bảo đảm tốt an sinh và phúc lợi xã hội, đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội; Tăng cường hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Phát triển môi trường bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu...

Những thành quả đáng khích lệ của năm 2009 sẽ là tiền đề tạo đà cho sự củng cố và phát triển của năm 2010 và các năm tiếp theo. Kinh tế Việt Nam được những kết quả tích cực hơn nữa, đảm bảo mục tiêu phát triển và ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội để Việt Nam tiếp tục là điểm đến tốt đẹp cho các nhà đầu tư quốc tế ■

Tình hình thu hút và sử dụng vốn

ODA

năm 2009

và định hướng thời gian tới

NĂM 2009, CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VẪN ĐANG PHẢI ĐỐI MẶT VỚI NHỮNG KHÓ KHĂN THÁCH THỨC CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH VÀ SUY THOẢI KINH TẾ. TRONG BỐI CẢNH NHƯ VẬY, CẠNH TRANH GIỮA CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN VỀ NGUỒN VỐN ODA NGÀY CÀNG TRỞ NÊN GAY GẮT DO NGUỒN CUNG ODA CỦA CÁC THÀNH VIÊN OECD-DAC DÀNH CHO CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN ĐÃ CÓ PHẦN SUY GIẢM VÀ KHÔNG ĐẠT ĐƯỢC CHỈ TIÊU CAM KẾT NHƯ DỰ KIẾN TRONG KHI NHU CẦU VỀ ODA LẠI RẤT LỚN.

KH - ĐT

Việt Nam được các nhà tài trợ đánh giá là đối phó tốt với cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu và nền kinh tế Việt Nam có khả năng trụ vững trong cơn bão suy thoái đó. Đánh giá trên cùng với những tiến bộ đạt được trong công cuộc xoá đói giảm nghèo là cơ sở rất tốt để Việt Nam tiếp nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của các nhà tài trợ và thu hút tới nguồn vốn ODA trong năm 2009.

1. Tình hình thu hút và sử dụng vốn ODA năm 2009

Năm 2009 là năm Việt Nam đạt được mức ODA ký kết và giải ngân cao nhất trong thời kỳ 2006-2009. Đây là điều kiện thuận lợi

để Việt Nam có thể hoàn thành các mục tiêu đề ra trong Đề án: "Định hướng thu hút và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thời kỳ 2006-2010" vào năm 2010.

Trong năm 2009 nguồn vốn ODA tiếp tục hỗ trợ tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Nhiều công trình giao thông, điện, phát triển hạ tầng đô thị, trường học, bệnh viện... đã đưa vào sử dụng và phát huy tác dụng. Các chương trình, dự án trong lĩnh vực xoá đói giảm nghèo, chuyển giao công nghệ và phát triển năng lực... cũng đã đem lại cho Việt Nam nhiều kết quả rất có ý nghĩa. Một đặc điểm nổi bật trong bức tranh ODA năm 2009 đó là ngoài việc giúp Việt Nam phát triển kinh tế, xã hội, ODA còn góp sức cùng Chính phủ thực hiện các giải pháp kích cầu và bình ổn kinh tế vĩ mô, góp phần kích thích trực tiếp và gián tiếp đối với sản xuất, đầu tư, tạo công ăn việc làm, bảo đảm an sinh xã



Cầu Thanh Trì - công trình có sử dụng vốn ODA Nhật Bản

hội,...đặc biệt trong giai đoạn cam go nhất khi Việt Nam phải đối mặt với các tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu. Khoản giải ngân nhanh đã bổ sung vốn trực tiếp cho ngân sách Nhà nước thông qua Chương trình vay giảm nghèo (PRSC-8) trị giá 350 triệu USD do WB và một số nhà tài trợ song phương và đa phương khác đồng tài trợ là một trong những sự hỗ trợ kịp thời dành cho Việt Nam.

Cuối năm 2009, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có những tín hiệu tích cực, đặc biệt các nền kinh tế trong khu vực Châu Á như Trung Quốc, Singapore,... đang phục hồi mạnh mẽ, các nhà tài trợ như ADB, Nhật Bản đã có các chính sách mới và phù hợp, đó là giúp Việt Nam phục hồi kinh tế sau khủng hoảng và lấy lại đà tăng trưởng. ADB đã cung cấp cho Việt Nam khoản vay 500 triệu USD nhằm khắc phục các tác động tiêu cực của khủng hoảng kinh tế toàn cầu và hỗ trợ các cải cách chính sách hướng đến thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo. Nhật Bản cung cấp khoản vay trị giá 54,9 tỷ Yên (tương đương 568 triệu USD) giúp Việt Nam phục hồi kinh tế sau khủng hoảng và chuẩn bị cho những bước phát triển mạnh tiếp theo sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu,...Đây thực sự là sự hỗ trợ rất kịp thời và có ý nghĩa mà cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế dành cho Việt Nam.

Tình hình thực hiện các chương trình, dự

...Một đặc điểm nổi bật trong bức tranh ODA năm 2009 đó là ngoài việc giúp Việt Nam phát triển kinh tế, xã hội ODA còn góp sức cùng Chính phủ thực hiện các giải pháp kích cầu và bình ổn kinh tế vĩ mô, góp phần kích thích trực tiếp và gián tiếp đối với sản xuất, đầu tư, tạo công ăn việc làm, bảo đảm an sinh xã hội...

án ODA trong năm 2009 có những mặt tích cực và hạn chế sau đây:

Những mặt được:

- Mức giải ngân ODA trong năm 2009 đã được cải thiện đáng kể, đó là nhờ sự điều hành sát sao của Chính phủ, nỗ lực to lớn của các ngành, các cấp và các nhà tài trợ trong việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn ODA theo chủ trương kích cầu đầu tư của Chính phủ.

- Công tác quản lý và thực hiện vốn ODA ở các Bộ, ngành và địa phương đã được cải thiện thông qua việc ban hành các quy chế nội bộ về vận động, thu hút và sử dụng vốn ODA (Bộ Y tế, Bộ Xây dựng, TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Cần Thơ, Thái Nguyên,...)

tạo thuận lợi cho việc tinh giảm quy trình, thủ tục và tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ngành hoặc đơn vị liên quan.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư với vai trò là cơ quan đầu mối của Chính phủ đã thực hiện tốt vai trò đôn đốc, hỗ trợ các Bộ, ngành và địa phương trong việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân các chương trình, dự án ODA. Từ tháng 5 năm 2009, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức giao ban tình hình thực hiện và giải ngân các chương trình, dự án ODA hàng tháng với sự tham dự của Tổ công tác ODA của Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương và các nhà tài trợ.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Việt Nam và các nhà tài trợ trong giải quyết các khó khăn, vướng mắc, cải thiện tình hình thực hiện và đẩy nhanh tiến độ giải ngân. Trong năm 2009, Tổ công tác ODA của Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan đã phối hợp chặt chẽ với Nhóm 6 Ngân hàng phát triển (WB, ADB, JICA, KFW, AFD và EXIM BANK Hàn Quốc) trong việc thực hiện các công việc để ra trong Kế hoạch hành động cải thiện tình hình thực hiện các chương trình, dự án ODA thời kỳ 2008-2009 và tổ chức Hội nghị đánh giá chung tình hình thực hiện dự án lần thứ 6 (JPPR VI) vào ngày 11-12/10/2009 với những giải pháp quan trọng. Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với WB, ADB, JICA,... tổ chức các cuộc kiểm điểm chung, riêng với WB đã tiến hành



2 đợt kiểm điểm với 20 dự án sử dụng vốn WB có nhiều vướng mắc và Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ.

- Vai trò tích cực của Tổ công tác ODA của Chính phủ trong việc xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình chuẩn bị và thực hiện các chương trình và dự án ODA, đặc biệt các kiến nghị, giải pháp đưa ra trong chuyển công tác các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Hồng (Thái Bình, Ninh Bình, Nam Định, Thanh Hoá).

- Các nhà tài trợ đã hợp tác chặt chẽ với các cơ quan Việt Nam thực hiện nhiều sáng kiến nhằm hài hoà quy trình thủ tục và nâng cao hiệu quả viện trợ theo tinh thần của Tuyên bố Pa-ri, cam kết Hà Nội và Chương trình hành động Accra về hiệu quả viện trợ cụ thể:

* Tháng 3/2009, Bộ Y tế và các nhà tài trợ quan tâm đã ký kết ý nguyện thư hợp tác cùng nhau thực hiện tuyên bố Pa-ri, Cam kết Hà Nội về hiệu quả viện trợ trong lĩnh vực y tế với những nội dung và mốc thời gian cụ thể và những biện pháp kiểm chứng quá trình thực hiện.

* Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Ngoại giao tiến hành đàm phán với UN và EC về định mức chi phí địa phương. Các bên đã nhất trí thông qua hướng dẫn định mức chi phí địa phương trong hợp tác phát triển tại Việt Nam của EU-UN – Phiên bản 2009. Lễ ký kết văn kiện này giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UN và

EC đã được tổ chức ngày 3/6/2009. Việc áp dụng định mức EU và UN – Phiên bản 2007 sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân, nâng cao chất lượng các chương trình, dự án do EU và UN tài trợ tại Việt Nam.

* 14 tổ chức trong hệ thống Liên hợp quốc tiếp tục phối hợp với Chính phủ Việt Nam thực hiện sáng kiến “Một Liên hợp quốc” tại Việt Nam bao gồm 5 trụ cột chủ yếu sau: (I) Kế hoạch chung; (II) Ngân sách chung; (III) Quy trình, thủ tục chung; (IV) Lãnh đạo chung; (V) Ngôi nhà chung.

Những mặt hạn chế:

Mặc dù đã đạt được những tiến bộ nhất định về thực hiện và giải ngân vốn ODA song so với tiến độ đề ra trong các hiệp định đã ký kết vẫn chưa đạt yêu cầu, vẫn còn nhiều chương trình, dự án phải gia hạn. Các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các chương trình, dự án ODA trong năm 2009 là:

Việc thực hiện và giải ngân vốn ODA gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do cơ chế, chính sách và quy định ở các văn bản pháp quy nằm ngoài Nghị định 131/2006/NĐ-CP có nhiều bất cập, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng; Một số dự án thiết kế quá phức tạp với sự tham gia của nhiều Bộ, ngành, địa phương trong khi năng lực điều phối, quản lý và thực hiện của cơ quan chủ quản lại hạn chế (ví dụ: Dự án phát triển công nghệ thông tin (WB), Dự án an toàn giao thông đường bộ (WB), Dự án phát triển cấp nước đô thị, ...).

- Năng lực nhà thầu/tư vấn không đáp ứng được yêu cầu công việc (Ví dụ: Tiến độ

thực hiện một số dự án tại TP. Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng do năng lực của nhà thầu bị hạn chế). Ngoài ra, đối với một số dự án tài trợ theo hình thức viện trợ có ràng buộc xảy ra tình trạng nhà thầu là công ty của nước cung cấp viện trợ bị phá sản và do đó không thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký. Thực tế này đặt ra vấn đề cho các cơ quan quản lý nhà nước về ODA, Cơ quan chủ quản và Chủ dự án phải tính tình huống này khi đàm phán, thoả thuận với nhà tài trợ khi ký kết hiệp định hoặc với nhà thầu khi ký hợp đồng.

- Thời gian chuẩn bị thực hiện các dự án đầu tư bằng vốn ODA thường kéo dài từ 2-3 năm dẫn đến việc dự án phải điều chỉnh và chịu tác động của nhiều yếu tố, đặc biệt về giải phóng mặt bằng, tái định cư và biến động giá cả, chi phí làm cho tổng mức đầu tư tăng lên rất nhiều so với tổng mức đầu tư ban đầu. Trong điều kiện nguồn vốn ODA đã ký kết không thay đổi, đây sẽ là một sức ép lớn đối với việc bố trí vốn đối ứng, làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện dự án.

- Sự khác biệt về quy trình, thủ tục giữa Việt Nam và nhà tài trợ, đặc biệt trong lĩnh vực đấu thầu, chính sách về an sinh xã hội (đến bù, GPMB và tái định cư),... đặc biệt trong bối cảnh chính sách, thể chế thay đổi nhanh cũng là một trong những nguyên nhân làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân.

- Đối với các chương trình, dự án do Bộ, ngành Trung ương làm chủ quản, cơ chế phối hợp giữa Ban QLDA Trung ương và Ban

QLDA của địa phương chưa chặt chẽ dẫn đến việc đưa ra các giải pháp khắc phục và tháo gỡ không kịp thời.

- Năng lực tổ chức và quản lý ODA ở cấp địa phương còn nhiều hạn chế. Đội ngũ cán bộ quản lý dự án chưa đáp ứng được các yêu cầu về kỹ năng và thiếu tính chuyên nghiệp. Đặc biệt, một số dự án phân cấp quản lý cho cấp xã làm chủ đầu tư trong khi năng lực của một số chủ đầu tư còn hạn chế, không nắm vững quy trình, thủ tục đầu tư đã làm cho quá trình thực hiện dự án gặp không ít khó khăn.

2. Định hướng thu hút và sử dụng vốn ODA trong thời gian tới- các giải pháp chủ yếu

Định hướng thu hút và sử dụng vốn ODA trong thời gian tới

Năm 2010 đối với Việt Nam có ý nghĩa hết sức quan trọng. Đây là năm Việt Nam tập trung nỗ lực cao để hoàn thành Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2000-2010), Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2006-2010. Đây cũng là năm Việt Nam chuẩn bị tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng để vạch ra Chiến lược phát triển trong 10 năm tới đưa đất nước trở thành nước công nghiệp vào năm 2020 và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2011-2015 - chặng đầu tiên của Chiến lược phát triển mười năm tới.

Trong giai đoạn phát triển mới, Việt Nam sẽ còn phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, bao gồm: (I) Kinh tế thế giới đang phục hồi song cũng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro; (II) Nền kinh tế Việt Nam cần tái cơ cấu để tăng khả năng cạnh tranh và tận dụng các cơ hội phát triển sau khủng hoảng; (III) Cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội vẫn còn nhiều bất cập; (IV) Các vấn đề an sinh xã hội, nhất là sự chênh lệch giàu nghèo, đặc biệt với các nhóm dân cư dễ bị thương tổn ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc; (V) Cải cách hành chính mặc dù đã có những tiến bộ nhất định song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu,...

Về quan hệ hợp tác phát triển, trong thời gian tới khi Việt Nam trở thành quốc gia đang phát triển có mức thu nhập trung bình (MIC) với thu nhập bình quân đầu người đạt trên 1.000USD/năm thì tính chất, quy mô và các điều kiện cung cấp ODA cho Việt Nam sẽ có những thay đổi nhất định. Một số nhà tài trợ sẽ điều chỉnh chính sách trong quan hệ hợp tác phát triển với Việt Nam. Các khoản viện trợ không hoàn lại sẽ tập trung nhiều hơn vào hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, tăng cường năng lực,... đồng thời xuất hiện thêm

nhiều kênh tín dụng mới,... Ngoài ra, phương thức cung cấp viện trợ cũng có những thay đổi nhất định như áp dụng nhiều hơn phương pháp tiếp cận theo chương trình, ngành, hỗ trợ ngân sách chung và hỗ trợ ngân sách có mục tiêu,...

Trong bối cảnh, chính sách thu hút và sử dụng ODA phải có những điều chỉnh phù hợp, chú trọng nhiều hơn đến hiệu quả sử dụng viện trợ, với mục tiêu tối đa hoá sự hỗ trợ của cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế dành cho Việt Nam để phát triển hạ tầng kinh tế và xã hội, xóa đói giảm nghèo, góp phần đạt được mục tiêu Thiên niên kỷ 2015 và tạo tiền đề cho Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.



...ODA cần tập trung cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội quy mô lớn, đồng bộ và hiện đại như phát triển các đường cao tốc; xây dựng cảng biển; sân bay quốc tế; các công trình thủy lợi; các nhà máy điện...

Về lĩnh vực ưu tiên, ODA cần tập trung cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội quy mô lớn, đồng bộ và hiện đại như phát triển các đường cao tốc; xây dựng cảng biển; sân bay quốc tế; các công trình thủy lợi; các nhà máy điện; các trường đại học; khu công nghệ cao; các bệnh viện thủy lợi; các nhà máy điện; các trường đại học; khu công nghệ cao; các bệnh viện khu vực hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế; cơ sở hạ tầng đô thị lớn (các dự án giao thông nội đô như metro, tàu điện trên cao; cấp thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị,...), hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt

các chương trình về xóa đói giảm nghèo, chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu, an sinh xã hội, hỗ trợ phát triển thể chế và phát triển nguồn nhân lực. Ngoài ra, các loại vốn vay ODA kém ưu đãi sẽ được sử dụng cho cả lĩnh vực sản xuất có khả năng hoàn trả cao để tạo ra công ăn việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo.

Về đối tượng sử dụng, ODA cần mở rộng đối tượng tiếp cận, không phân biệt thành phần kinh tế, theo hướng sử dụng ODA như là "vốn mới" để khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư phát triển các dự án hạ tầng kinh tế và xã hội đòi hỏi vốn lớn và thời gian thu hồi vốn dài theo mô hình hợp tác giữa nhà nước và khu vực tư nhân (PPP).

Các giải pháp chủ yếu về thu hút và sử dụng vốn ODA

Để đẩy mạnh công tác thu hút, vận động và sử dụng nguồn vốn ODA trong thời gian tới, cần thực hiện các giải pháp chủ yếu sau đây:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các nhà tài trợ xây dựng đề án: "Định hướng thu hút và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thời kỳ 2011-2015" và nghiên cứu hoàn thiện khung thể chế về ODA phù hợp với tình hình mới trên cơ sở kết quả đánh giá tình hình thực hiện Nghị định 131/2006/NĐ-CP và các văn bản pháp quy liên quan.

- Các Bộ, ngành và địa phương chủ động, phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan và nhà tài trợ trong công tác vận động, xây dựng Danh mục yêu cầu tài trợ, đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị, thẩm định và phê duyệt dự án để có thể đàm phán, ký kết hiệp định với nhà tài trợ.

- Các Bộ, ngành và các địa phương tiến hành cải cách hành chính và tinh giảm quy trình, thủ tục trong việc tiếp nhận và thực hiện nguồn vốn ODA, trao quyền nhiều hơn cho các chủ dự án trong việc thẩm định, phê duyệt kết quả đấu thầu; phối hợp với các cơ quan liên quan và nhà tài trợ trong việc giải quyết dứt điểm việc thiếu hụt vốn ODA do tình trạng lạm phát trước đây, đảm bảo bố trí kịp thời và đầy đủ vốn đối ứng theo tiến độ thực hiện các chương trình, dự án ODA.

- Các ngành, các cấp thiết lập và vận hành hiệu quả hệ thống theo dõi và đánh giá các chương trình, dự án ODA cấp quốc gia, làm cơ sở để đưa ra các chính sách và giải pháp phù hợp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và nâng cao tỷ lệ giải ngân.

(Xem tiếp trang 63)

lại nếu mức chi trả bảo hiểm quá cao có thể làm người gửi tiền không còn chú ý tới yếu tố rủi ro, hạn chế vai trò của tổ chức BHTG khi giám sát rủi ro của các tổ chức tham gia BHTG và làm tăng nguồn vốn thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm. Chính vì vậy để xác định được mức chi trả bảo hiểm phù hợp, có ý nghĩa tích cực trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền cần xây dựng một cơ chế xác định mức chi trả bảo hiểm căn cứ trên một số các tiêu chí như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, thu nhập bình quân đầu người, cơ cấu tiền gửi...trong từng thời kỳ để đảm bảo cho mức chi trả vừa thỏa mãn được mục tiêu của tổ chức BHTG, vừa đảm bảo sự quan tâm của người gửi tiền, của tổ chức tham gia BHTG đối với tính hiệu quả trong hoạt động của kinh doanh tiền tệ và yêu cầu phòng ngừa rủi ro đạo đức có thể xảy ra.

Năm là, nâng cao năng lực tài chính cho BHTG Việt Nam: Với số vốn điều lệ thực cấp hiện nay thì có thể nói năng lực tài chính của BHTG Việt Nam còn quá yếu, chưa thực sự bảo vệ được lợi ích của người gửi tiền một cách rộng rãi theo quy định của pháp luật, chỉ mới đáp ứng được yêu cầu bảo vệ người gửi tiền tại bộ phận các TCTD quy mô nhỏ; chưa kể đến yêu cầu mở rộng phạm vi, đối tượng bảo hiểm trong tương lai. Theo thông lệ quốc tế thì trong bối cảnh TCTD hoạt động bình thường vốn điều lệ của tổ chức BHTG ít nhất phải bằng khoảng 2% tổng số tiền gửi được bảo hiểm tại tất cả các tổ chức

...Hệ thống BHTG sẽ hoạt động hiệu quả hơn khi nó dựa trên một quy định chặt chẽ về thông tin và tính công khai cho phép tổ chức BHTG được nhận các thông tin mà mình cần, nếu không niềm tin của người gửi tiền đối với tổ chức BHTG sẽ bị suy giảm và vì thế hiệu quả của cơ chế BHTG sẽ bị ảnh hưởng...

tham gia BHTG. Chính vì vậy để tổ chức BHTG thực sự là chỗ dựa tin cậy cho người gửi tiền, bảo vệ được quyền lợi cho tất cả những người gửi tiền vào các tổ chức tham gia BHTG trong đó bao gồm cả các NHTM quy mô lớn, BHTG Việt Nam cần phải được cấp đủ số vốn cần thiết để thực hiện được nghĩa vụ của mình.

Sâu là, về cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin giữa BHTG Việt Nam và các cơ quan liên quan: Theo thông lệ quốc tế hiện nay, tổ chức BHTG là một thành viên quan trọng trong mạng lưới đảm bảo an toàn tài chính quốc gia. Việc phối hợp và chia sẻ thông tin trong mạng lưới đảm bảo an toàn tài chính là một yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan giám sát tài chính. Hệ thống BHTG sẽ hoạt động hiệu quả hơn

khi nó dựa trên một quy định chặt chẽ về thông tin và tính công khai cho phép tổ chức BHTG được nhận các thông tin mà mình cần, nếu không niềm tin của người gửi tiền đối với tổ chức BHTG sẽ bị suy giảm và vì thế hiệu quả của cơ chế BHTG sẽ bị ảnh hưởng. Hiện nay cơ chế hợp tác chia sẻ thông tin giữa BHTG Việt Nam và các cơ quan giám sát khác còn ở mức độ hạn chế, tuy vấn đề này đã được quy định trong Nghị định 89/1999/NĐ-CP và Nghị định 109/2005/NĐ-CP. Tuy nhiên, do cơ chế phối hợp giữa một tổ chức tài chính Nhà nước với cơ quan quản lý Nhà nước là một mối quan hệ còn rất mới ở nước ta, bên cạnh đó lại chưa có cơ sở pháp lý vững chắc, chưa có phương thức rõ ràng nên hiệu quả còn hạn chế. Do vậy để ngày càng nâng cao hiệu quả cơ chế bảo vệ người gửi tiền, vấn đề này đòi hỏi phải được luật hóa cả về cơ chế cũng như nội dung phối hợp giữa BHTG Việt Nam với các cơ quan có liên quan mà không chỉ bao gồm Ngân hàng Nhà nước.

Để quyền lợi của người gửi tiền được bảo vệ một cách tốt nhất, cần phải có nhiều giải pháp đồng bộ, trong đó việc điều chỉnh khung pháp lý để chính sách BHTG có thể đáp ứng tốt các yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội trong giai đoạn mới, giai đoạn mà các tổ chức tín dụng sẽ có sự cạnh tranh mạnh mẽ và rủi ro gia tăng là một yêu cầu hết sức cấp bách, hy vọng rằng Luật BHTG sẽ sớm được xây dựng nhằm tạo ra những bảo đảm "bền vững" cho quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền.

Tình hình thu hút...

(Tiếp theo trang 59)

- Các ngành, các cấp thiết lập và vận hành hiệu quả hệ thống theo dõi và đánh giá các chương trình, dự án ODA cấp quốc gia, làm cơ sở để đưa ra các chính sách và giải pháp phù hợp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và nâng cao tỷ lệ giải ngân.

- Tổ công tác ODA của Chính phủ phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương và các nhà tài trợ giám sát chặt chẽ tình hình thực hiện các chương trình, dự án có nhiều vướng mắc, đặc biệt ở tình trạng "bão đong" và thúc đẩy các dự án có tiềm năng giải ngân thông qua các cuộc giao ban ODA hạng tháng.

- Các cơ quan được giao nhiệm vụ trong Kế hoạch hành động cải thiện tình hình thực

hiện các chương trình, dự án ODA thời kỳ 2008-2009 (ban hành theo Quyết định 883/2008/QĐ- BKH ngày 14 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) phối hợp với Nhóm 6 Ngân hàng Phát triển hoàn thành các công việc để ra nhằm tạo ra bước đột phá về giải ngân.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với nhóm 6 Ngân hàng phát triển sớm trình Thủ tướng Chính phủ Kế hoạch hành động cải thiện tình hình thực hiện các chương trình, dự án ODA thời kỳ 2001-2011 trên cơ sở kết quả Hội nghị đánh giá chung tình hình thực hiện dự án lần thứ 6(JPPR VI).

- Bộ Xây dựng và Bộ Tài chính sớm xây dựng định mức chi phí về đầu tư xây dựng

và quản lý các chương trình, dự án ODA theo hướng linh hoạt và sát với cơ chế thị trường.

- Các ngành, các cấp cần phối hợp với tổ chức thuộc Liên hợp quốc và các nhà tài trợ thuộc liên minh Châu Âu (EU) để áp dụng các định mức chi phí địa phương trong hợp tác phát triển - Bản cập nhật 2009 có hiệu lực từ ngày 3 tháng 6 năm 2009.

- Các Bộ, ngành Trung ương tăng cường năng lực cho các địa phương về kỹ năng quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án ODA thông qua các chương trình, dự án hỗ trợ tăng cường năng lực hoặc các chương trình, dự án do mình làm chủ quản.